

NĂNG LỰC GIẢM THIỂU RỦI RO THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU VÀ HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

TÔ THỊ HỒNG NHUNG
VŨ THỊ MAI HƯƠNG

Tóm tắt: Vận dụng phương pháp điều tra xã hội học, bài báo đã tiến hành khảo sát thực trạng năng lực giảm thiểu rủi ro thiên tai (RRTT) và thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) của 238 học sinh (HS) cấp trung học cơ sở (THCS) ở hai huyện Sìn Hồ (tỉnh Lai Châu) và Kon Plông (tỉnh Kon Tum). Kết quả cho thấy, năng lực của HS còn rất hạn chế; điểm bình quân chỉ đạt 73,4 điểm, xếp ở mức “trung bình”; không có HS nào được đánh giá ở mức “tốt” trở lên, xếp loại “khá” chỉ có 15 HS (chiếm 6,3%), có tới 32 HS (13,4%) xếp loại “kém”. Đại đa số còn lại (191 HS, chiếm tỉ lệ 80,3%) nằm ở thang điểm “trung bình”. Trong số ba khía cạnh để đánh giá năng lực (kiến thức, kỹ năng và thái độ), phần đánh giá về kiến thức xếp loại thấp nhất, ở mức “kém”. Kết quả nghiên cứu có thể hữu ích cho các địa phương trong việc lựa chọn những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH cho HS.

Từ khóa: năng lực, giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng BĐKH, Sìn Hồ, Kon Plông

CAPACITY OF DISASTER RISK REDUCTION AND CLIMATE CHANGE ADAPTATION OF SECONDARY SCHOOL PUPILS IN SIN HO DISTRICT, LAI CHAU PROVINCE AND KON PLONG DISTRICT, KON TUM PROVINCE

Abstract: Using the method of sociological investigation, the authors conducted a survey on the current situation of disaster risk reduction and climate change adaptation capacity of 238 secondary school pupils in two districts of Sin Ho (Lai Chau) and Kon Plong (Kon Tum). The results show that their ability is still very limited. The average score is only 73.4 points, ranked at "medium" level. No pupil is rated at "good" or higher, rated "fairly good" only 15 pupils, accounting for 6.3% and up to 32 pupils (13.4%) were classified as "less good" level. The vast majority of the remaining (191/238 pupils, accounting for 80.3%) are in the "medium" scale frame. It is worth noting that, out of the three dimensions of competency assessment including knowledge, skills and attitudes, the assessment of knowledge is rated the lowest, at “less good” level. Research results can be useful for localities in choosing appropriate solutions to improve pupils' capacity to reduce disaster risk and adapt to climate change.

Keywords: capacity, disaster risk reduction, climate change adaptation, Sin Ho, Kon Plong

1. Đặt vấn đề

Ảnh hưởng của BĐKH, thiên tai ở Việt Nam có xu hướng gia tăng cả về tần suất, qui mô và cường độ, đe dọa sự phát triển bền vững của đất nước. Trong 20 năm qua, bình quân mỗi năm,

thiên tai đã làm chết và mất tích gần 400 người, bị thương hàng nghìn người, thiệt hại về kinh tế khoảng 1,0 - 1,5% GDP [3].

Do vị trí địa lí và điều kiện địa hình, tạo nên những đặc điểm khí hậu riêng biệt, dẫn tới sự

hình thành các loại thiên tai khác nhau theo từng vùng. Ở vùng núi, nơi có độ dốc lớn, địa chất yếu, xen kẽ, cường độ mưa lớn, thiên tai phổ biến và khốc liệt nhất là lũ quét/lũ bùn đá, trượt lở đất. Trong đó, các khu vực có nguy cơ tai biến thiên nhiên ở mức rất cao là Tây Bắc và Tây Nguyên [4].

Các loại thiên tai đặc thù ở vùng núi có xu thế gia tăng rất rõ rệt, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Các đối tượng dễ bị tổn thương là người già, phụ nữ, trẻ em. Trong đó, HS THCS tại các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số là đối tượng chịu tác động nặng nề. HS chưa có kinh nghiệm hay nói khác đi là còn thiếu kiến thức, kỹ năng để ứng phó. Do vậy, khảo sát thực trạng năng lực giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH của HS dân tộc thiểu số đang theo học cấp THCS tại các xã đặc biệt khó khăn ở huyện Sìn Hồ (tỉnh Lai Châu) và huyện Kon Plông

(tỉnh Kon Tum) để làm căn cứ giúp cho chính quyền địa phương đề xuất những giải pháp nâng cao năng lực giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH cho HS là rất cần thiết.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ khảo sát thực trạng năng lực giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH. Nội dung cụ thể gồm ba phần: kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Đối tượng tham gia khảo sát là 238 HS THCS, trong đó: 138 HS của bốn trường THCS huyện Sìn Hồ; 100 HS của bốn trường THCS huyện Kon Plông.

Khảo sát được thực hiện trong học kì II năm học 2021 - 2022 (từ ngày 08/3 - 16/4/2022). Thông tin chung về đối tượng tham gia khảo sát được trình bày chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng tham gia khảo sát

Tỉnh	Huyện	Tên trường THCS	Số lượng HS	Tỉ lệ (%)
Lai Châu	Sìn Hồ	Làng Mô	30	21,7
		Ma Quai	40	29,0
		Tả Phìn	31	22,5
		Tả Ngáo	37	26,8
		Tổng số	138	100,0
Kon Tum	Kon Plông	Măng Cành	25	25,0
		Xã Hiếu	31	31,0
		Đắc Tăng	14	14,0
		Măng Bút	30	30,0
		Tổng số	100	100,0

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bộ câu hỏi khảo sát gồm 30 câu hỏi, được chia thành 3 nhóm, tập trung vào các nội dung chính sau đây:

- Kiến thức giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH (câu 1 đến câu 14): khái niệm, biểu hiện và nguyên nhân của BĐKH; hành động giúp giảm nhẹ tác động của BĐKH; nhận diện các loại thiên tai thường xảy ra tại địa phương; tác

động của thiên tai đến HS; nguyên nhân gây nên hạn hán; tác hại của việc chặt phá rừng; điều kiện hình thành lũ; kiến thức để ứng phó trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

- Kỹ năng giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH (câu 15 đến câu 27): kỹ năng thích ứng; kỹ năng ứng phó trước, trong và sau khi thiên tai; kỹ năng sơ tán; kỹ năng sử dụng các thiết bị cứu hộ; kỹ năng sử dụng các công cụ truyền thông; chia sẻ thông tin về thiên tai và BĐKH.

- Thái độ giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH (câu 28 đến câu 30): ý thức về vai trò của giảm thiểu, ý thức về đối tượng tham gia, mức độ quan tâm đến công tác giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH.

Mỗi câu hỏi trong phiếu khảo sát có 5 mức đánh giá theo thang đo likert (thấp nhất 1 điểm, cao nhất 5 điểm).

Mỗi nội dung đo lường tương ứng với từng nhóm câu hỏi. Tùy theo số lượng câu hỏi trong mỗi nhóm, các thang đo của từng nhóm có giá trị khác nhau (dựa trên quy ước thang đánh giá của mỗi câu hỏi đã nêu ở Bảng 2).

Bảng 2. Quy ước mức độ đánh giá và thang đánh giá của mỗi câu hỏi khảo sát

Mức	Điểm TB/ câu
Rất tốt	> 4,75
Tốt	4,00 - 4,75
Khá	3,00 - 3,99
Trung bình	2,00 - 2,99
Kém	< 2,00

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng kiến thức giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH

Phần khảo sát về kiến thức có 14 câu hỏi, bao gồm nhóm kiến thức về thích ứng BĐKH (khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, những hành động thích ứng BĐKH) và nhóm kiến thức về giảm thiểu RRTT (nhận diện những thiên tai trên địa bàn sinh sống, nguyên nhân và tác động của thiên tai, nhận biết về các hành động cần phải thực hiện khi thiên tai sắp xảy ra, đang xảy ra và sau khi xảy ra). Đây là khối kiến thức không phải quá khó và quá xa lạ đối với HS cấp THCS. Bởi vì ngay từ lớp 6, thông qua các hoạt động trải nghiệm, các tiết học lồng ghép, đã được tìm hiểu về vấn đề này và kiến thức sẽ được phát triển, mở rộng, nâng cao dần dưới dạng các vòng tròn đồng tâm khác bán kính qua các lớp học: lớp 7, lớp 8 và lớp 9.

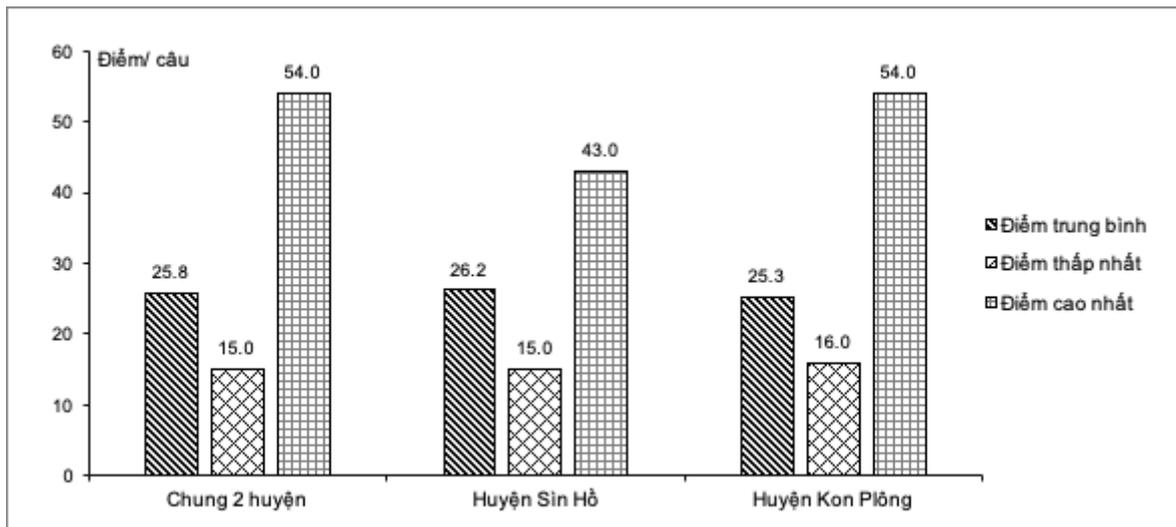
Tuy nhiên, qua khảo sát nhóm HS THCS thuộc hai huyện Sìn Hồ và Kon Plông cho thấy, kiến thức của HS về giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH còn rất hạn chế. Không có HS nào (trong tổng số 238 HS được khảo sát) đạt mức điểm từ 56,0 điểm trở lên (mức từ “tốt” cho đến “rất tốt”); mức “khá” có 4/238 em, chiếm 1,7% số đối tượng được khảo sát, trên 1/3 số HS được hỏi của cả hai huyện có mức điểm thuộc nhóm “trung bình” và đa số bị đánh giá ở mức “kém” (Bảng 3).

Bảng 3. Thang đo và tỉ lệ HS theo các mức độ đánh giá kiến thức

Mức	Điểm TB/ câu	Chung 2 huyện		Huyện Sìn Hồ		Huyện Kon Plông	
		Số lượng HS	Tỉ lệ (%)	Số lượng HS	Tỉ lệ (%)	Số lượng HS	Tỉ lệ (%)
Rất tốt	> 66,50	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tốt	56,00 - 66,50	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Khá	42,00 - 55,99	4	1,7	1	0,7	3	3,0
Trung bình	28,00 - 41,99	85	35,7	62	44,9	24	24,0
Kém	< 28,00	149	62,6	75	54,4	73	73,0
Tổng cộng		238	100,0	138	100	100	100

Cụ thể, với câu hỏi “Em có biết về BĐKH không”: ở huyện Sìn Hồ, có 50,7% số HS trả lời không biết, mặc dù đây là một cụm từ khá quen thuộc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong sách báo cũng như cuộc sống hàng ngày.

Đối với các câu hỏi liên quan đến những kiến thức về biểu hiện, nguyên nhân và hành động giúp thích ứng BĐKH, hay những kiến thức liên quan đến giảm thiểu RRTT cũng cho kết quả tương tự.



Hình 1. Điểm đánh giá kiến thức

Những câu hỏi liên quan đến kiến thức thực tiễn (HS biết làm gì khi thiên tai sắp xảy ra, đang xảy ra và sau khi xảy ra...) có mức điểm cao hơn, do đây là các câu hỏi có câu trả lời gắn với các hoạt động, công việc thực tế trong cuộc sống. Tuy nhiên, mức điểm cao hơn cũng không đáng kể, vẫn có một tỉ lệ không nhỏ HS trả lời không biết làm gì cho những câu hỏi dạng khảo sát kiến thức thực tế này. Chính vì vậy, điểm trung bình cho phần kiến thức về giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH của HS ở cả hai huyện Sin Hồ và Kon Plông chỉ đạt 25,8 điểm, đối chiếu với khung thang đo bị xếp ở mức “kém” (Hình 1). Hạn chế về những kiến thức này thường xảy ở các địa phương vùng sâu, vùng xa, dân cư chủ yếu là đồng bào các dân tộc ít người.

Sự khác biệt về kiến thức giữa hai nhóm HS được khảo sát ở hai địa bàn khác nhau không nhiều. Điểm trung bình của huyện Sin Hồ nhỉnh hơn huyện Kon Plông (nhưng không nhiều), tương ứng 26,2 điểm so với 25,3 điểm (đều nằm dưới ngưỡng 28,0 điểm của mức xếp loại “kém”). HS có điểm cao nhất trong phần đánh

giá về kiến thức ở cả hai huyện đều đạt 54,0 điểm, đồng nghĩa với việc không có em nào vượt lên để đạt được mức xếp loại “tốt”. Điểm thấp nhất của cả hai nhóm HS thuộc hai huyện chỉ đạt 15,0 điểm và 16,0 điểm, một mức điểm rất thấp (cách quá xa so với ngưỡng trên của mức “kém” (28,0 điểm) trong thang đo đánh giá năng lực).

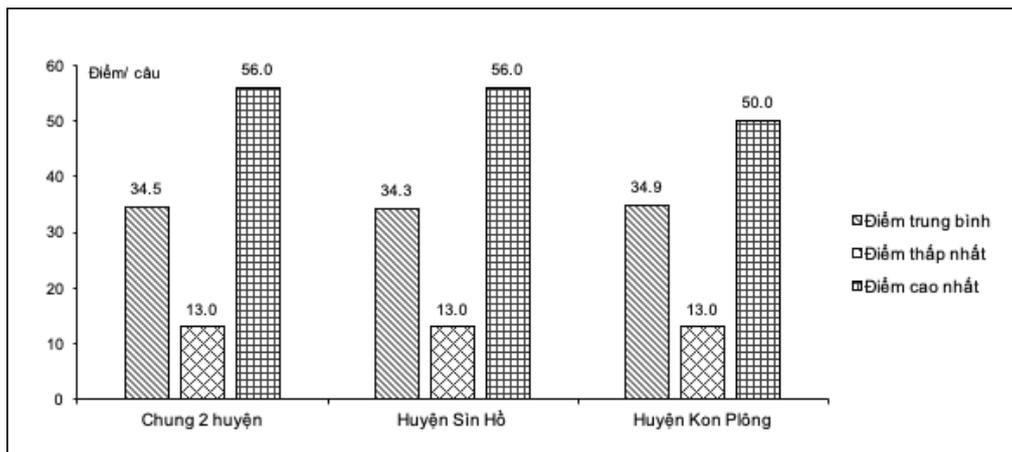
3.2. Thực trạng kỹ năng giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH

Phần kỹ năng được khảo sát thông qua các câu hỏi liên quan đến hành động cụ thể của HS nhằm góp phần giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH (bao gồm các hành động góp phần thích ứng, giảm thiểu, công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức liên quan...).

Theo Bảng 4, mặc dù không có HS nào đạt điểm đủ để được đánh giá ở mức “rất tốt”, nhưng số HS được đánh giá ở mức “tốt” cũng đã xuất hiện, tuy số lượng và tỉ lệ còn rất khiêm tốn. Đáng lưu ý là số HS xếp loại “khá” và “trung bình” chiếm tuyệt đại đa số (với 82,7% tổng số HS được điều tra) khác với phần đánh giá về kiến thức, vốn chủ yếu thuộc về mức “kém” (Bảng 4).

Bảng 4. Thang đo và tỉ lệ HS theo các mức độ đánh giá kỹ năng

Mức	Điểm TB/ câu	Chung hai huyện		Huyện Sin Hồ		Huyện Kon Plông	
		Số lượng HS	Tỉ lệ (%)	Số lượng HS	Tỉ lệ (%)	Số lượng HS	Tỉ lệ (%)
Rất tốt	> 61,75	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tốt	52,00 - 61,75	3	1,3	3	2,2	0	0,0
Khá	39,00 - 51,99	71	29,8	37	26,8	34	34,0
Trung bình	26,00 - 38,99	126	52,9	77	55,8	49	49,0
Kém	< 26,00	38	16,0	21	15,2	17	17,0
Tổng cộng		238	100,0	138	100,0	100	100,0



Hình 2. Điểm đánh giá kỹ năng

Với điểm số bình quân 34,5 điểm, các kỹ năng giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH của HS hai huyện còn rất hạn chế, đạt mức “trung bình” trong thang đánh giá 5 mức độ. Do đó, hai huyện cần phải có những giải pháp thiết thực và thích hợp để khắc phục điểm yếu này (Hình 2).

Những kỹ năng chủ yếu HS có được hầu hết gắn với các hoạt động thực tiễn diễn ra trong cuộc sống thường ngày, như một bản năng hoặc thói quen hơn là những hành động được thực hành, rèn luyện một cách có ý thức. Ví dụ, với câu hỏi về hành động có thể làm để thích ứng BĐKH cùng những phương án lựa chọn được đưa ra, hầu hết HS chỉ chọn duy nhất phương án “trồng cây xanh”, trong khi các phương án quan trọng, thiết thực khác như “tiết kiệm chất đốt”, “giảm thiểu và tái chế rác thải”, nhiều em không

biết và không lựa chọn. Thậm chí, có một tỉ lệ lớn HS hoàn toàn không biết bất cứ một hành động nào để thích ứng BĐKH (mặc dù trong câu hỏi khảo sát đã đưa ra các gợi ý để HS dễ dàng lựa chọn).

Với câu hỏi về các kỹ năng góp phần giảm thiểu RRTT cũng như vậy, đa số HS biết “tìm kiếm nơi an toàn để tránh trú”, “không chơi ở những nơi đang có thiên tai xảy ra”, làm một số công việc giúp đỡ cha mẹ, thầy cô để giảm bớt những thiệt hại do thiên tai gây ra, nhưng khi được hỏi sâu hơn, đòi hỏi những kỹ năng cao hơn thì HS lại lúng túng. Ví dụ, với câu hỏi “khi thiên tai xảy ra ở trường hay ở nhà, em có biết phải sơ tán/di chuyển đến chỗ nào không”, có 50/100 HS của huyện Kon Plông được hỏi trả lời “không biết”. Đồng thời, số HS không biết cách sử dụng các thiết bị như áo phao, thiết bị

sơ cấp cứu hay loa, còi báo hiệu trong trường hợp khẩn cấp chiếm tỉ lệ khá lớn.

Từ những ví dụ trên cho thấy, HS gần như không được rèn luyện kỹ năng giảm thiểu RRTT và thích ứng với BĐKH ở trường.

Hai huyện được khảo sát nằm cách xa nhau, có những khác biệt vùng miền nhất định, nhưng phần đánh giá về kỹ năng, cũng không thấy có sự khác biệt đáng kể. Điểm trung bình của hai nhóm HS thuộc hai huyện đều ở mức “khá”. Điểm số cho phần đánh giá về kỹ năng đạt mức “trung bình”, với 34,5 điểm là số điểm khá cao trong khung thang đo (từ 26,0 đến dưới 39,0 điểm), nhưng điểm thấp nhất và cao nhất lại tương tự như phần đánh giá về kiến thức: 13,0 và 56,0 điểm tương ứng 15,0 và 54,0 điểm. Thực tế, một số HS có kỹ năng thích ứng BĐKH và

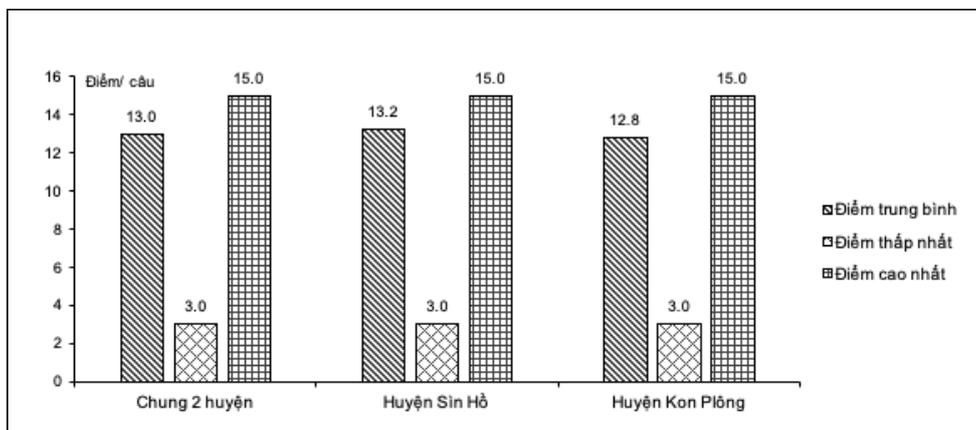
giảm thiểu RRTT rất hạn chế, chỉ đạt 13,0 điểm (thấp hơn điểm thấp nhất của phần đánh giá về kiến thức).

3.3. Thực trạng thái độ giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH

Phần thái độ giảm thiểu RRTT và thích ứng với BĐKH được đo lường thông qua nhóm câu hỏi khảo sát về quan điểm, thái độ, mức độ quan tâm của HS. Khác với phần kiến thức và kỹ năng, phần thái độ được đánh giá rất tốt. Số HS tham gia khảo sát được đánh giá là có thái độ tích cực chiếm tỷ lệ cao, trong đó, “rất tốt”, chiếm tỉ lệ 52,1%; mức “tốt” cũng chiếm tới 27,3%. Nếu tính cả mức khá, tuyệt đại đa số HS (94,1%) có thái độ tích cực, đạt từ mức “khá” trở lên, trong đó mức “rất tốt” chiếm tỉ lệ cao nhất (Bảng 5).

Bảng 5. Thang đo và tỉ lệ HS theo các mức độ đánh giá thái độ

Mức	Điểm TB/ câu	Chung hai huyện		Huyện Sin Hồ		Huyện Kon Plông	
		Số lượng HS	Tỉ lệ (%)	Số lượng HS	Tỉ lệ (%)	Số lượng HS	Tỉ lệ (%)
Rất tốt	> 14,25	124	52,1	76	55,1	48	48,0
Tốt	12,00 - 14,25	65	27,3	41	29,7	24	24,0
Khá	9,00 - 11,99	35	14,7	14	10,1	21	21,0
Trung bình	6,00 - 8,99	6	2,5	2	1,5	4	4,0
Kém	< 6,00	8	3,4	5	3,6	3	3,0
Tổng cộng		238	100,0	138	100,0	100	100,0



Hình 3. Điểm đánh giá thái độ

Hầu hết HS khi được hỏi điều hiểu giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH là rất quan trọng; vì vậy, cũng bày tỏ thái độ “rất quan tâm” đến hoạt động này. HS đều ý thức được đây là nghĩa vụ và trách nhiệm của tất cả mọi người chứ không chỉ là công việc của riêng cá nhân hoặc bộ phận chuyên trách nào.

Kết quả khảo sát cho thấy, điểm bình quân cho phần đánh giá về thái độ của nhóm HS được khảo sát tại Sìn Hồ và Kon Plông đạt 13,0 điểm (thuộc mức “tốt”), hầu như không có sự chênh lệch giữa hai huyện (Hình 3). Đây là yếu

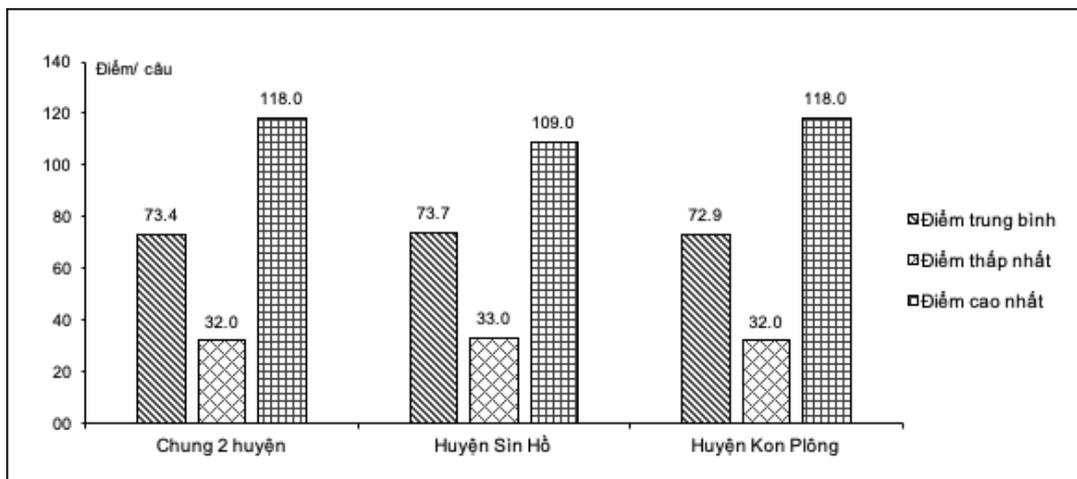
tố thuận lợi để nâng cao kiến thức, kỹ năng giảm thiểu RRTT, thích ứng BĐKH cho HS.

3.4. Thực trạng năng lực giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH

Năng lực giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH của HS được đo bằng tổng số điểm cho 3 hợp phần kiến thức, kỹ năng và thái độ. Kết quả cho thấy, đa số HS (80,3%) được đánh giá ở mức “trung bình”; 13,4% xếp loại “kém”, một con số không lớn nhưng cũng hết sức đáng lưu tâm. Số HS xếp loại “khá” 6,3%, không có HS nào được đánh giá ở mức “tốt” trở lên (Bảng 6).

Bảng 6. Thang đo và tỉ lệ HS theo các mức độ đánh giá năng lực giảm thiểu

Mức	Điểm TB/ câu	Chung hai huyện		Huyện Sìn Hồ		Huyện Kon Plông	
		Số lượng HS	Tỉ lệ (%)	Số lượng HS	Tỉ lệ (%)	Số lượng HS	Tỉ lệ (%)
Rất tốt	> 142,50	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tốt	120,00 - 142,50	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Khá	90,00 - 119,99	15	6,3	6	4,3	9	9,0
Trung bình	60,00 - 89,99	191	80,3	116	84,1	75	75,0
Kém	< 60,00	32	13,4	16	11,6	16	16,0
Tổng cộng		238	100,0	138	100,0	100	100,0



Hình 4. Điểm đánh giá năng lực giảm thiểu

Xét về tổng thể, với mức điểm 73,4 điểm, năng lực giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu của HS được khảo sát đạt mức “trung bình” trong thang đo 5 mức độ (Hình 4). Trong đó, hạn chế nhất là phần kiến

thức, xếp ở mức “kém”, kỹ năng đạt mức “trung bình”. Phần thái độ được đánh giá rất tích cực, đạt mức “tốt”, nhưng trọng số thấp nên không đủ bù đắp, thay thế cho phần kiến thức và kỹ năng.

Có sự khác biệt vùng miền về năng lực giảm thiểu RRTT và thích ứng BĐKH giữa hai huyện Sơn Hồ và Kon Plông. Điểm số đánh giá về năng lực của huyện Sơn Hồ cao hơn một chút so với Kon Plông, nhờ trội hơn ở phần kiến thức và thái độ (Hình 4).

4. Kết luận

Thực trạng năng lực giảm thiểu RRTT và thích ứng với BĐKH của HS THCS huyện Sơn Hồ và Kon Plông được đánh giá thông qua khảo sát kiến thức, kỹ năng, thái độ của HS.

Kết quả cho thấy, HS có thái độ tốt nhưng kỹ năng trung bình, kiến thức kém nên năng lực chỉ ở mức trung bình (73,4 điểm). Trong tổng số 238 HS tham gia khảo sát, không có HS nào đạt năng lực ở mức rất tốt và tốt, chỉ có 15 HS (chiếm 6,3%) đạt mức khá, có tới 191 HS

(chiếm 80,3%) ở mức trung bình và 32 HS (chiếm 13,4%) ở mức kém.

Từ thực trạng trên, nhóm tác giả khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực giảm thiểu RRTT và thích ứng với BĐKH cho HS THCS ở huyện Sơn Hồ và Kon Plông như sau:

(1) Xây dựng chương trình giáo dục giảm thiểu RRTT, thích ứng với BĐKH thành một môn học hoặc chuyên đề dạy học riêng;

(2) Tiếp tục lồng ghép tích hợp nội dung giáo dục giảm thiểu RRTT, thích ứng với BĐKH vào một số môn học có liên quan (như Địa lí, Giáo dục công dân...);

(3) Xây dựng tài liệu tập huấn giáo dục kỹ năng giảm thiểu RRTT, thích ứng với BĐKH dành cho giáo viên;

(4) Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS...

Bài báo là sản phẩm của đề tài cấp Bộ “*Giáo dục kỹ năng giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho học sinh trung học cơ sở các tỉnh Trung du và Miền núi Bắc Bộ của Việt Nam*”, mã số B2020-SPH-10.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Tài liệu hướng dẫn dạy và học về giảm nhẹ RRTT và ứng phó với BĐKH*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Sống và Học tập vì Môi trường và Cộng đồng, Tổ chức Plan tại Việt Nam, Cơ quan Phát triển Quốc tế Australia (2011), *Tài liệu hướng dẫn dạy và học về giảm nhẹ RRTT*.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021), *Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2021 - 2025*, Quyết định số 467/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/01/2021.
4. Bộ Xây dựng (2022), *Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai của Bộ Xây dựng đến năm 2025*, Quyết định số 858/QĐ-BXD ngày 30/09/2022.

Thông tin tác giả:

Tô Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Mai Hương - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Địa chỉ: số 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Email: huongvmh@gmail.com; Điện thoại: 0977011976.

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 12/12/2022

Biên tập: 2/2023